

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-42

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý I năm 2023.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuấn	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hai	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

##### Ban Kiểm soát

Bà Khổng Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên
Ông Dương Đắc Lâm	Thành viên

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



---

**Lê Đức Thuận**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>834,139,410,003</b>	<b>721,662,591,529</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23,000,149,419</b>	<b>9,407,399,768</b>
1. Tiền	111		18,000,149,419	9,407,399,768
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>32,362,000,000</b>	<b>23,362,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32,362,000,000	23,362,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>222,643,537,897</b>	<b>273,087,180,210</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	80,061,415,537	165,061,231,020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	142,521,953,815	107,854,187,369
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	60,168,545	171,761,821
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>541,025,021,012</b>	<b>403,996,625,024</b>
1. Hàng tồn kho	141		541,025,021,012	403,996,625,024
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15,108,701,675</b>	<b>11,809,386,527</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	4,431,324,776	5,521,959,128
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10,677,376,899	6,287,427,399
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>130,984,959,254</b>	<b>158,342,173,114</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50,000,000</b>	<b>50,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	50,000,000	50,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>109,984,992,241</b>	<b>137,498,833,154</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	104,928,860,311	132,026,450,723
- Nguyên giá	222		174,169,363,101	200,076,779,465
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69,240,502,790)	(68,050,328,742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	406,770,834	468,645,834
- Nguyên giá	225		990,000,000	990,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(583,229,166)	(521,354,166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	4,649,361,096	5,003,736,597
- Nguyên giá	228		6,098,456,667	6,098,456,667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,449,095,571)	(1,094,720,070)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>2,619,104,388</b>	<b>3,524,407,011</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,619,104,388	3,524,407,011
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18,330,862,625</b>	<b>17,268,932,949</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	16,205,594,927	15,739,456,083
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	2,218,142,130	1,429,259,982
3. Lợi thế thương mại	269		(92,874,432)	100,216,884
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>965,124,369,257</b>	<b>880,004,764,643</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>524,779,688,401</b>	<b>448,749,930,397</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>517,313,918,401</b>	<b>440,732,859,397</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	89,575,202,755	52,645,450,232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3,902,880,474	42,318,089,708
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	18,837,031,027	16,237,370,964
4. Phải trả người lao động	314		2,314,761,285	2,344,649,721
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5,219,092,808	1,019,127,335
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	397,464,950,052	326,168,171,437
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7,465,770,000</b>	<b>8,017,071,000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	7,465,770,000	8,017,071,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>440,344,680,856</b>	<b>431,254,834,246</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>440,344,680,856</b>	<b>431,254,834,246</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249,998,550,000	249,998,550,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249,998,550,000	249,998,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,698,273,899	1,698,273,899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96,766,379,538	91,948,617,585
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		90,559,996,083	24,276,292,343
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,206,383,455	67,672,325,242
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11,903,077,419	7,630,992,762
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>965,124,369,257</b>	<b>880,004,764,643</b>


Lại Thị Thu Hà  
Người lậpĐặng Thị Hương Liên  
Kế toán trưởngLê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2023	Quý 1 năm 2022	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	215,929,964,126	288,567,909,001	215,929,964,126	288,567,909,001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2,123,626,650	1,270,642,082	2,123,626,650	1,270,642,082
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		213,806,337,476	287,297,266,919	213,806,337,476	287,297,266,919
4. Giá vốn hàng bán	11	25	185,402,357,464	248,575,809,442	185,402,357,464	248,575,809,442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28,403,980,012	38,721,457,477	28,403,980,012	38,721,457,477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	251,509,578	19,704,283	251,509,578	19,704,283
7. Chi phí tài chính	22	27	8,110,323,307	1,995,483,095	8,110,323,307	1,995,483,095
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7,684,466,665	1,995,483,095	7,684,466,665	1,995,483,095
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28	6,457,386,391	7,320,429,869	6,457,386,391	7,320,429,869
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	5,411,523,601	5,269,152,454	5,411,523,601	5,269,152,454
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		8,676,256,291	24,156,096,343	8,676,256,291	24,156,096,343
12. Thu nhập khác	31	30	596,063,701	1	596,063,701	1
13. Chi phí khác	32		1,205,306,174	10,373,936	1,205,306,174	10,373,936
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(609,242,473)	(10,373,935)	(609,242,473)	(10,373,935)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,067,013,818	24,145,722,408	8,067,013,818	24,145,722,408

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	2,648,541,967	5,952,332,051	2,648,541,967	5,952,332,051
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	(788,882,148)	(1,120,370,969)	(788,882,148)	(1,120,370,969)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60=50-51-52)	<b>60</b>		<b>6,207,353,999</b>	<b>19,313,761,326</b>	<b>6,207,353,999</b>	<b>19,313,761,326</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		6,206,383,455	19,013,908,793	6,206,383,455	19,013,908,793
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		970,544	299,852,533	970,544	299,852,533
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>248</b>	<b>951</b>	<b>248</b>	<b>951</b>


Lại Thị Thu Hà  
Người lậpĐặng Thị Hương Liên  
Kế toán trưởngLê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 31/03/2023	đến 31/03/2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8,067,013,818	24,145,722,408
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3,886,568,267	4,159,136,782
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(656,236,517)	(19,704,283)
- Chi phí lãi vay	06		7,684,466,665	1,995,483,095
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18,981,812,233	30,280,638,001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		48,404,443,054	(144,188,858,171)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(137,028,395,988)	(62,992,291,898)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3,109,097,390	135,623,214,019
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		624,495,508	2,807,660,528
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7,684,466,665)	(1,995,483,095)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		202,043,815	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(73,390,970,653)	(40,465,120,616)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(24,306,699,000)	(5,602,909,321)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		50,000,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9,000,000,000)	(82,000,000,000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		60,172,816	19,704,283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16,753,473,816	(87,583,205,038)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		372,894,407,127	177,989,868,725
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(302,097,878,512)	(85,783,186,459)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(51,051,000)	(51,051,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(515,231,127)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		70,230,246,488	92,155,631,266

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>524,779,688,401</b>	<b>448,749,930,397</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>517,313,918,401</b>	<b>440,732,859,397</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	89,575,202,755	52,645,450,232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3,902,880,474	42,318,089,708
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	18,837,031,027	16,237,370,964
4. Phải trả người lao động	314		2,314,761,285	2,344,649,721
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5,219,092,808	1,019,127,335
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	397,464,950,052	326,168,171,437
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7,465,770,000</b>	<b>8,017,071,000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	7,465,770,000	8,017,071,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>440,344,680,856</b>	<b>431,254,834,246</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>440,344,680,856</b>	<b>431,254,834,246</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249,998,550,000	249,998,550,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249,998,550,000	249,998,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,698,273,899	1,698,273,899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96,766,379,538	91,948,617,585
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		90,559,996,083	24,276,292,343
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6,206,383,455	67,672,325,242
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11,903,077,419	7,630,992,762
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>965,124,369,257</b>	<b>880,004,764,643</b>

  
Lại Thị Thu Hà  
Người lập

  
Đặng Thị Hương Liên  
Kế toán trưởng



  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 01 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 249.998.550.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 249.998.550.000 đồng; tương đương 24.999,855 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mút kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

##### **Tổng số công ty con: 3**

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 2
- Số lượng công ty con không được hợp nhất gián tiếp: 1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2023 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản Thực phẩm Hồng Hà	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	96.72%	96.72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam (*)	Bình Phước	49.33%	49.33%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều

(\*) Ngày 17/01/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam với số tiền là 5.100.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 51%, tỷ lệ nắm giữ gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc tại Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam là 49,33%.

**2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ**

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	9,517,651,938	7,989,022,328
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8,482,497,481	1,418,377,440
Các khoản tương đương tiền	5,000,000,000	-
	<b>23,000,149,419</b>	<b>9,407,399,768</b>

Tại 31/03/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương với lãi suất 6%/năm.

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>32,362,000,000</b>	<b>32,362,000,000</b>	<b>23,362,000,000</b>	<b>23,362,000,000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	32,362,000,000	32,362,000,000	23,362,000,000	23,362,000,000
	<b>32,362,000,000</b>	<b>32,362,000,000</b>	<b>23,362,000,000</b>	<b>23,362,000,000</b>

Tại 31/03/2023, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,35%/năm đến 7,5%/năm.

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	7,000,000,000	-
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	-	732,139,944
Công ty CP Dịch vụ thương mại tổng hợp Wincommerce LLC "OFS-EXPORT"	5,080,532,006	5,450,335,323
Các khoản phải thu khách hàng khác	5,876,554,392	-
	62,104,329,139	158,878,755,753
	<b>80,061,415,537</b>	<b>165,061,231,020</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>127,792,210</b>	<b>62,101,464</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Aloland (1)	34,002,250,000	-	34,002,250,000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hường Dương Milk Tea Fresh	23,940,660,700	-	17,040,660,700	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An (2)	30,741,479,000	-	30,741,479,000	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	37,272,757,200	-	7,493,757,200	-
Trả trước khác	16,564,806,915	-	18,576,040,469	-
	<b>142,521,953,815</b>	<b>-</b>	<b>107,854,187,369</b>	<b>-</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên</b>	<b>37,333,602,904</b>	<b>-</b>	<b>7,493,757,200</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

(1) Khoản tạm ứng theo Hợp đồng tổng thầu số 1506/2021/HĐKT/BN-CV ngày 15/06/2021 giữa Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc và Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Thương mại - Chợ truyền thống Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty CP Đầu tư Aloland) về việc xây dựng dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung tại Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

(2) Khoản tạm ứng theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2021/HĐNT/BN-BALA ngày 25/03/2021 giữa Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc và Công ty TNHH BaLa Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An) về việc mua dây chuyền máy móc thiết bị sử dụng cho dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung tại Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

**9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	27,000,000	-	27,000,000	-
Phải thu khác	33,168,545	-	144,761,821	-
	<b>60,168,545</b>	<b>-</b>	<b>171,761,821</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	50,000,000	-	50,000,000	-
	<b>50,000,000</b>	<b>-</b>	<b>50,000,000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	238,872,845,303	-	154,975,232,311	-
Công cụ, dụng cụ	316,729,661	-	316,224,661	-
Thành phẩm	607,467,219	-	17,106,427	-
Hàng hoá	301,227,978,829	-	248,688,061,625	-
	<b>541,025,021,012</b>	<b>-</b>	<b>403,996,625,024</b>	<b>-</b>

**11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2,619,104,388</b>	<b>3,524,407,011</b>
Sửa chữa văn phòng	2,305,093,517	3,210,396,140
Thiết kế Website	255,252,000	255,252,000
Xây dựng nhà máy Miền Trung	39,923,000	39,923,000
Cải tạo xưởng sản xuất	18,835,871	18,835,871
	<b>2,619,104,388</b>	<b>3,524,407,011</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2023	66,661,488,703	123,783,638,473	7,793,337,272	1,669,885,017	168,430,000	200,076,779,465
Mua sắm	-	290,320,000	-	-	-	290,320,000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24,921,681,623	-	-	-	-	24,921,681,623
Tăng do hợp nhất lần đầu	-	-	1,041,363,636	33,627,273	-	1,074,990,909
Thanh lý, nhượng bán (1)	(52,194,408,896)	-	-	-	-	(52,194,408,896)
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>39,388,761,430</b>	<b>124,073,958,473</b>	<b>8,834,700,908</b>	<b>1,703,512,290</b>	<b>168,430,000</b>	<b>174,169,363,101</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2023	32,004,413,693	30,808,569,815	4,375,518,162	745,624,581	116,202,491	68,050,328,742
Trích khấu hao	716,972,649	2,407,815,235	256,870,320	82,748,119	5,911,443	3,470,317,766
Tăng do hợp nhất lần đầu	-	-	502,305,897	8,022,634	-	510,328,531
Thanh lý, nhượng bán (1)	(2,790,472,249)	-	-	-	-	(2,790,472,249)
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>29,930,914,093</b>	<b>33,216,385,050</b>	<b>5,134,694,379</b>	<b>836,395,334</b>	<b>122,113,934</b>	<b>69,240,502,790</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2023	34,657,075,010	92,975,068,658	3,417,819,110	924,260,436	52,227,509	132,026,450,723
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>9,457,847,337</b>	<b>90,857,573,423</b>	<b>3,700,006,529</b>	<b>867,116,956</b>	<b>46,316,066</b>	<b>104,928,860,311</b>

(1) Trong kỳ, Đơn vị có thực hiện thanh lý TSCĐ là Nhà văn phòng và Nhà xưởng tại Lô A2 CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.0000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 61.875.000 đồng, khấu hao lũy kế đến 31/03/2023 là 583.229.166 đồng.

**14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2023	6,098,456,667	6,098,456,667
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>6,098,456,667</b>	<b>6,098,456,667</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2023	1,094,720,070	1,094,720,070
Trích khấu hao	354,375,501	354,375,501
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>1,449,095,571</b>	<b>1,449,095,571</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	5,003,736,597	5,003,736,597
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>4,649,361,096</b>	<b>4,649,361,096</b>

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	799,366,052	755,256,017
Chi phí bảo hiểm	30,680,822	56,917,157
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	2,283,562,603	4,511,994,808
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,317,715,299	197,791,146
	<b>4,431,324,776</b>	<b>5,521,959,128</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	419,590,761	588,049,770
Chi phí thuê đất	14,899,856,986	14,235,236,918
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	657,446,043	898,180,075
Chi phí trả trước dài hạn khác	228,701,137	17,989,320
	<b>16,205,594,927</b>	<b>15,739,456,083</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	10,333,093,220	10,333,093,220	10,824,055,595	10,824,055,595
Công ty TNHH CJ FOODS Việt Nam	1,232,973,500	1,232,973,500	962,909,100	962,909,100
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	1,991,813,200	1,991,813,200	-	-
Công ty Cổ phần XNK thực phẩm Minh Phú	9,711,683,000	9,711,683,000	-	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Huy	2,763,750,000	2,763,750,000	2,763,750,000	2,763,750,000
Công ty cổ phần sản xuất bao bì Tây Đô	1,706,478,112	1,706,478,112	2,925,977,957	2,925,977,957
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Á	8,277,000,001	8,277,000,001	-	-
Các khoản phải trả khác	53,558,411,722	53,558,411,722	35,168,757,580	35,168,757,580
	<b>89,575,202,755</b>	<b>89,575,202,755</b>	<b>52,645,450,232</b>	<b>52,645,450,232</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>961,605,512</b>	<b>961,605,512</b>	<b>3,278,149,526</b>	<b>3,278,149,526</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>				

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa <sup>(1)</sup>	-	35,000,000,000
Công ty TNHH SX TM DV Hướng Dương Milk Tea Fresh	-	6,005,225,992
Trả trước khác	3,902,880,474	1,312,863,716
	<b>3,902,880,474</b>	<b>42,318,089,708</b>

<sup>(1)</sup> Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước 1 phần tiền, liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	90,754,063	-	90,754,063	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15,610,139,726	2,892,457,941	202,043,815	-	18,300,553,852
Thuế Thu nhập cá nhân	-	536,477,175	-	-	-	536,477,175
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	84,008,219	84,008,219	-	-
	-	<b>16,237,370,964</b>	<b>2,976,466,160</b>	<b>376,806,097</b>	-	<b>18,837,031,027</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	906,447,694	387,940,797
Bảo hiểm y tế	63,795,123	69,428,673
Bảo hiểm thất nghiệp	27,021,188	30,384,588
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	515,231,127
	4,221,828,803	16,142,150
	<u><u>5,219,092,808</u></u>	<u><u>1,019,127,335</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		Trong kỳ		31/03/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>323,214,396,937</b>	<b>323,214,396,937</b>	<b>372,874,982,127</b>	<b>(301,191,248,012)</b>	<b>394,898,131,052</b>	<b>394,898,131,052</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	51,955,708,575	51,955,708,575	27,701,190,900	(26,661,258,254)	52,995,641,221	52,995,641,221
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	49,668,747,822	49,668,747,822	69,972,751,672	(49,668,747,822)	69,972,751,672	69,972,751,672
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh	20,000,000,000	20,000,000,000	80,000,000,000	(50,000,000,000)	50,000,000,000	50,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	99,980,460,036	99,980,460,036	66,597,176,005	(66,617,700,036)	99,959,936,005	99,959,936,005
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	101,609,480,504	101,609,480,504	87,876,352,450	(82,568,072,800)	106,917,760,154	106,917,760,154
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	-	-	40,727,511,100	(25,675,469,100)	15,052,042,000	15,052,042,000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2,953,774,500</b>	<b>2,953,774,500</b>	<b>551,301,000</b>	<b>(938,256,500)</b>	<b>2,566,819,000</b>	<b>2,566,819,000</b>
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	151,200,000	151,200,000	37,800,000	(37,800,000)	151,200,000	151,200,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	748,570,500	748,570,500	-	(386,955,500)	361,615,000	361,615,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả khác	2,054,004,000	2,054,004,000	513,501,000	(513,501,000)	2,054,004,000	2,054,004,000
	<b>326,168,171,437</b>	<b>326,168,171,437</b>	<b>373,426,283,127</b>	<b>(302,129,504,512)</b>	<b>397,464,950,052</b>	<b>397,464,950,052</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	291,400,000	291,400,000	-	(37,800,000)	253,600,000	253,600,000
Ngân hàng TMCP Quân đội	748,570,500	748,570,500	-	(386,955,500)	361,615,000	361,615,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9,275,000,000	9,275,000,000	-	(441,000,000)	8,834,000,000	8,834,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	264,550,000	264,550,000	-	(21,450,000)	243,100,000	243,100,000
Nợ thuê tài chính dài hạn	391,325,000	391,325,000	-	(51,051,000)	340,274,000	340,274,000
	<b>10,970,845,500</b>	<b>10,970,845,500</b>	<b>-</b>	<b>(938,256,500)</b>	<b>10,032,589,000</b>	<b>10,032,589,000</b>
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2,953,774,500	2,953,774,500	551,301,000	(938,256,500)	2,566,819,000	2,566,819,000
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>8,017,071,000</b>	<b>8,017,071,000</b>			<b>7,465,770,000</b>	<b>7,465,770,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2023	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>							
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b>					<b>52,995,641,221</b>	<b>52,995,641,221</b>	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 280/2022-HĐCVHM/NHCT131-BN ngày 12/09/2022	45,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	43,385,488,000	43,385,488,000	- Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1263 19, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/03/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung đi kèm. - Các hợp đồng thế chấp tài sản khác
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 282/2022-HĐCVHM/NHCT131-HH ngày 12 tháng 09 năm 2022.	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	9,610,153,221	9,610,153,221	- Các hợp đồng thế chấp tài sản được quy định trong hợp đồng cho vay.
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam</b>					<b>69,972,751,672</b>	<b>69,972,751,672</b>	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023	70,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	15,846,015,405	15,846,015,405	- Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. - Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông chính (ông Lê Đức Thuận).
Hợp đồng tín dụng số HN/2022/04/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023	27,685,174,177					27,685,174,177		
Hợp đồng tín dụng số HN/2022/03/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023	26,441,562,090					26,441,562,090		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2023	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh</b>					<b>50,000,000,000</b>	<b>50,000,000,000</b>	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023-HDCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	50,000,000,000	50,000,000,000	Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông lớn (ông Lê Đức Thuận).
<b>4</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</b>					<b>99,959,936,005</b>	<b>99,959,936,005</b>	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/4887990/HĐTD ngày 22 tháng 06 năm 2022	100,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tối đa 12 tháng kể từ ngày giải ngân	Áp dụng từng lần giải ngân	99,959,936,005	99,959,936,005	Đảm bảo bằng 100% số dư tài khoản tiền gửi từ hoạt động SXKD bằng VND và ngoại tệ của doanh nghiệp trên tài khoản của Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác.
<b>5</b>	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</b>					<b>106,917,760,154</b>	<b>106,917,760,154</b>	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/CVHM/VCBHN-BN ngày 23 tháng 06 năm 2022	62,000,000,000	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	61,944,683,000	61,944,683,000	- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 628 và số 629 tại địa chỉ phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, TP.HCM thuộc sở hữu của ông Lê Đức Thuận và bà Lê Thu Huyền. - Hàng hóa luân chuyển và các khoản phải thu trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/TCHHKPT/VCB-BN ngày 22/06/2021.
	Hợp đồng cấp tín dụng số 004/TBN-TSN/21TD ngày 14/01/2021, Hợp đồng cấp tín dụng bổ sung số 02/004/TBN-TSN/21NH ngày 28/05/2021 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 175/TBN-KDN/22NH ngày 30/03/2022	40,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Quy định trong từng giấy nhận nợ	39,984,957,154	39,984,957,154	- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN-TSN/21TC ngày 14/01/2021. - Dây chuyền sản xuất bánh bông lan có giá trị 17.030.000.000 đồng.
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/CV/VCBHN-TN ngày 05/04/2022	9,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	4,988,120,000	4,988,120,000	- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại Khu đô thị du lịch sinh thái FLC Sầm Sơn, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của ông Ngô Thành Nam và bà Nguyễn Thị Mai Hiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2023	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<b>6</b>	<b>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN</b>					<b>15,052,042,000</b>	<b>15,052,042,000</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-230019145 ngày 17/03/2023	15,300,000,000	Bổ sung vốn kinh doanh mặt hàng nông sản điều	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Quy định trong từng giấy nhận nợ	15,052,042,000	15,052,042,000	- Các hợp đồng thế chấp tài sản được quy định trong hợp đồng tín dụng.
	<b>Tổng cộng vay ngắn hạn</b>					<b>394,898,131,052</b>	<b>394,898,131,052</b>	
<b>II</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>							
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam</b>					<b>253,600,000</b>	<b>151,200,000</b>	
	HD số 1702-LAV-2017-00397 ngày 10 tháng 11 năm	1,060,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	253,600,000	151,200,000	Tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô Mercedes Benz biển kiểm soát 30E-534.03
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Quân đội</b>					<b>361,615,000</b>	<b>361,615,000</b>	
	Hợp đồng số 7886.19.008.1516289.TD ngày 20 tháng 03 năm 2019.	861,280,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	7,735,000	7,735,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng số 9462.19.008.1516289.TD ngày 02 tháng 04 năm 2019.	1,807,000,000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	Trong từng giấy nhận nợ	37,685,000	37,685,000	Hợp đồng tiền gửi số 21505.19.008.1516289.TG.DN
	Hợp đồng số 22980.19.008.1516289.TD ngày 21 tháng 06 năm 2019	640,900,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	48 tháng	9%/năm	26,708,000	26,708,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng số 26927.19.008.1516289.TD ngày 15 tháng 07 năm 2019	3,765,432,000	Mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	48 tháng	9,5%/năm	289,487,000	289,487,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</b>					<b>8,834,000,000</b>	<b>1,764,000,000</b>	
	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 004/TBN-TSN/21TDH ngày 14/01/2021	11,921,000,000	Đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bánh bông lan chà bông tự động mới 100%.	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	8,834,000,000	1,764,000,000	- Tài sản hình thành từ vốn vay - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thảo, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN-TSN/21TC ngày 14/01/2021.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2023	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
<b>4</b>	<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>					<b>243,100,000</b>	<b>85,800,000</b>	
	Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2021/HĐTD- 0079 ngày 15/01/2021	429,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	60 tháng	8,5%/năm	243,100,000	85,800,000	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>5</b>	<b>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>					<b>340,274,000</b>	<b>204,204,000</b>	
	Hợp đồng số 01.113/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	605,000,000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	189,038,000	113,448,000	Ký cược bảo đảm
	Hợp đồng số 01.114/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	484,000,000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	151,236,000	90,756,000	Ký cược bảo đảm
	<b>Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>					<b>10,032,589,000</b>	<b>2,566,819,000</b>	
	<b>Tổng cộng vay</b>					<b>404,930,720,052</b>	<b>397,464,950,052</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2,218,142,130	1,429,259,982
	<u><u>2,218,142,130</u></u>	<u><u>1,429,259,982</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>						
Tại ngày 01/01/2023	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	91,948,617,585	7,630,992,762	431,254,834,246
Lãi trong kỳ này	-	-	-	6,206,383,455	970,544	6,207,353,999
Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất lần đầu	-	-	-	(1,388,621,502)	4,271,114,113	2,882,492,611
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>249,998,550,000</b>	<b>79,978,400,000</b>	<b>1,698,273,899</b>	<b>96,766,379,538</b>	<b>11,903,077,419</b>	<b>440,344,680,856</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/03/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Á Long	0.00%	620,000	0.00%	620,000
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	90,157,350,000	36.06%	90,157,350,000
Vốn góp của các cổ đông khác	63.94%	159,840,580,000	63.94%	159,840,580,000
	<b>100%</b>	<b>249,998,550,000</b>	<b>100%</b>	<b>249,998,550,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	249,998,550,000	199,999,890,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	249,998,550,000	199,999,890,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	249,998,550,000	199,999,890,000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24,999,855	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24,999,855	24,999,855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24,999,855	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24,999,855	24,999,855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24,999,855	24,999,855
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,698,273,899	1,698,273,899
	<b>1,698,273,899</b>	<b>1,698,273,899</b>

**23 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	32,580,137,871	285,730,302,223
Doanh thu bán hàng hóa	183,330,177,384	1,799,608,026
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19,648,871	1,037,998,752
	<b>215,929,964,126</b>	<b>288,567,909,001</b>

Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

	<b>94,597,853,439</b>	<b>2,554,526,561</b>
--	-----------------------	----------------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	31,846,735	340,618,962
Hàng bán bị trả lại	2,091,779,915	930,023,120
	<b>2,123,626,650</b>	<b>1,270,642,082</b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	26,384,089,843	246,861,490,852
Giá vốn của hàng hóa đã bán	159,018,267,621	1,714,318,590
	<b>185,402,357,464</b>	<b>248,575,809,442</b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	60,172,816	19,704,283
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	190,946,856	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	389,906	-
	<b>251,509,578</b>	<b>19,704,283</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	7,684,466,665	1,995,483,095
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	425,144,710	-
Chi phí tài chính khác	711,932	-
	<b>8,110,323,307</b>	<b>1,995,483,095</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	52,306,452	23,852,639
Chi phí nhân công	2,727,603,557	4,214,591,914
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263,476,860	317,908,815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,398,249,522	2,601,861,132
Chi phí khác bằng tiền	15,750,000	162,215,369
	<b>6,457,386,391</b>	<b>7,320,429,869</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	194,248,277	262,179,913
Chi phí nhân công	1,824,446,417	1,515,761,949
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,032,942,475	865,239,982
Thuế, phí, lệ phí	308,903,580	256,321,058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,923,203,981	2,266,608,007
Lợi thế thương mại	25,979,093	3,709,064
Chi phí khác bằng tiền	101,799,778	99,332,481
	<b>5,411,523,601</b>	<b>5,269,152,454</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	596,063,701	-
Thu nhập khác	-	1
	<b>596,063,701</b>	<b>1</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,648,541,967	5,952,332,051
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2,648,541,967</b>	<b>5,952,332,051</b>

**32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	(788,882,148)	(1,120,370,969)
	<b>(788,882,148)</b>	<b>(1,120,370,969)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6,207,353,999	19,013,908,793
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6,207,353,999	19,013,908,793
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	24,999,855	19,999,989
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>248</b>	<b>951</b>

**34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225,302,996,975	262,401,061,343
Chi phí nhân công	8,503,939,994	10,194,273,940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,886,568,267	4,448,804,581
Chi phí thuế và lệ phí	72,497,176	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,968,641,472	2,648,673,351
Chi phí khác bằng tiền	117,966,445	2,074,291,206
	<b>243,852,610,329</b>	<b>281,767,104,421</b>

**35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,000,149,419	-	9,407,399,768	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	80,171,584,082	-	165,282,992,841	-
Đầu tư ngắn hạn	32,362,000,000	-	23,362,000,000	-
	<b>135,533,733,501</b>	<b>-</b>	<b>198,052,392,609</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Giá trị số kế toán	
	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	404,930,720,052	334,185,242,437
Phải trả người bán, phải trả khác	94,794,295,563	53,664,577,567
	<b>499,725,015,615</b>	<b>387,849,820,004</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,000,149,419	-	-	23,000,149,419
Phải thu khách hàng, phải thu khác	80,121,584,082	50,000,000	-	80,171,584,082
Đầu tư ngắn hạn	32,362,000,000	-	-	32,362,000,000
	<b>135,483,733,501</b>	<b>50,000,000</b>	<b>-</b>	<b>135,533,733,501</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,407,399,768	-	-	9,407,399,768
Phải thu khách hàng, phải thu khác	165,232,992,841	50,000,000	-	165,282,992,841
Đầu tư ngắn hạn	23,362,000,000	-	-	23,362,000,000
	<b>198,002,392,609</b>	<b>50,000,000</b>	<b>-</b>	<b>198,052,392,609</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>				
Vay và nợ	397,464,950,052	7,465,770,000	-	404,930,720,052
Phải trả người bán, phải trả khác	94,794,295,563	-	-	94,794,295,563
	<b>492,259,245,615</b>	<b>7,465,770,000</b>	<b>-</b>	<b>499,725,015,615</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	326,168,171,437	8,017,071,000	-	334,185,242,437
Phải trả người bán, phải trả khác	53,664,577,567	-	-	53,664,577,567
	<b>379,832,749,004</b>	<b>8,017,071,000</b>	<b>-</b>	<b>387,849,820,004</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP Á Long	(*)	91,781,019	47,221,847
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(***)	36,011,191	14,879,617
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	37,272,757,200	7,493,757,200
Công ty CP Á Long	(*)	60,845,704	-
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Á Long	(*)	211,275,600	222,409,896
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	1,706,478,112	-
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(***)	750,329,912	3,055,739,630
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	-	36,937,609

(\*) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.

(\*\*) Giám đốc Công ty trên đồng thời là vợ của Chủ tịch HĐQT.

(\*\*\*) Giám đốc Công ty trên đồng thời là Tổng giám đốc của Công ty mẹ và công ty con.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>			
Vũ Đức Lợi	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21/01/2022)	-	10,680,000
Nguyễn Trung Hiếu	Giám đốc Marketing	-	12,205,000
Nguyễn Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc sản xuất	40,190,000	43,670,000
Trần Văn Quân	Giám đốc cung ứng	-	39,642,500

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 do Công ty lập.



Lại Thị Thu Hà  
Người lập



Đặng Thị Hương Liên  
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023

